

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO LẦN 1

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số /TTr-SNV ngày /2026 về việc ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí cụ thể đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên (gọi chung là Sở).
- Chi cục, ban trực thuộc Sở (gọi chung là Chi cục).
- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, văn phòng thuộc Sở (gọi chung là phòng thuộc Sở);
- Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là phòng cấp xã).

Điều 3. Nguyên tắc ban hành tiêu chí

- Bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch, khách quan, đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều,

tiêu chí đánh giá phải gắn với sản phẩm và kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể.

2. Kết hợp giữa tiêu chí định tính và tiêu chí định lượng, trong đó, đặc biệt chú trọng các tiêu chí định lượng về kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu.

3. Bảo đảm gắn kết quả đánh giá với kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, kỷ luật, kỷ cương hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, công tác phối hợp liên ngành; bảo đảm liên thông, thống nhất trong công tác cán bộ.

Điều 4. Tiêu chí chung và tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Tiêu chí chung được chấm tối đa là 30 điểm (trong thang điểm 100), cụ thể gồm:

a) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.

b) Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.

c) Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).

2. Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được chấm tối đa là 70 điểm (trong thang điểm 100), cụ thể gồm:

a) Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm; hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung, nhiệm vụ của năm được Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền giao (trong đó bao gồm kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công và mức độ hoàn thành dự toán ngân sách nhà nước, việc thực hiện trách nhiệm giải trình và các nội dung khác theo yêu cầu) và các nhiệm vụ phát sinh khác (nếu có).

c) Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản.

d) Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có).

đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có).

e) Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

g) Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có).

h) Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có).

*(Có Phụ lục về tiêu chí chung, tiêu chí về
kết quả thực hiện nhiệm vụ kèm theo)*

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại chất lượng đơn vị.

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện đánh giá, chấm điểm, xếp loại chất lượng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả theo quy định.

2. Người đứng đầu các Sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

a) Triển khai thực hiện các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức theo quy định trong phạm vi quản lý.

b) Tiến hành tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) công nhận kết quả đánh giá, xếp loại theo quy định. Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo theo quy định.

c) Công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được áp dụng quy định này.

3. Trường hợp cơ quan có đủ số điểm của một mức xếp loại nhưng không đủ các điều kiện khác theo quy định thì được xếp loại ở mức thấp hơn liền kề với mức đủ điểm xếp loại.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC.

Huandn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**